HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2026/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quyết định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 501/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục nhiệm vụ,

hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 294/BC-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 470/BC-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quyết định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

a) Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung khác liên quan đến tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng hoặc được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật

1. Tổng mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 125.000.000 đồng/văn bản.

b) Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 50.000.000 đồng/văn bản.

c) Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 20.000.000 đồng/văn bản.

d) Hội đồng nhân dân cấp xã căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế quyết định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động:

a) Đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Tổng mức chi và định mức khoán chi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại điểm a,

điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động bằng 30% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình thực tế, nguồn dự toán được giao để quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ về mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do cơ quan, đơn vị thực hiện khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục quy định tại Điều này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà chưa thanh toán thì được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi tối đa (đồng)	Ghi chú
I	**NHIỆM VỤ SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN HỒ SƠ TRÌNH**		**Tối đa 70% tổng mức chi**	**87.500.000**	
1	**Nhiệm vụ soạn thảo**		Tối đa 70% định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình	61.250.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1.1	Truyền thông chính sách	- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...)		3.750.000	

		- Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)			
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Tờ trình		2.500.000	
		Dự thảo nghị quyết		12.000.000	
		Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo nghị quyết kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		6.000.000	
		Bản so sánh, thuyết minh nội		3.500.000	

		dung dự thảo nghị quyết			
		Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		5.000.000	
		Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo nghị quyết		8.000.000	
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết				
1.3.1	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; các cơ quan, tổ chức, cá		5.000.000	

		nhân có liên quan			
1.3.2	Lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn tài chính, Sở Nội vụ về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực, Sở Tư pháp về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn bản góp ý của Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ		2.000.000	
1.3.3	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền (nếu có)	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền/văn bản cho ý kiến của cơ quan Đảng đối với dự thảo nghị quyết		3.000.000	

1.4	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý		4.500.000	
1.5	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định		6.000.000	
2	**Nhiệm vụ thẩm định**		Tối đa 20% định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình	17.500.000	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
2.1	Trường hợp tự thẩm định				
	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		17.500.000	
2.2	Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định				
2.2.1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Biên bản họp		10.000.000	
2.2.2	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		7.500.000	

2.3	Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản				
2.3.1	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Ý kiến bằng văn bản		10.000.000	
2.3.2	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		7.500.000	
3	**Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình**		Tối đa 10% định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình	8.750.000	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
3.1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết	Ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh		3.750.000	
3.2	Hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh (sau khi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh,	Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh		5.000.000	

	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền)				
II	**NHIỆM VỤ THẨM TRA, THÔNG QUA**		**Tối đa 30% tổng mức chi**	**37.500.000**	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Thẩm tra dự thảo nghị quyết	Báo cáo thẩm tra		22.500.000	
2	Hoàn thiện và thông qua nghị quyết	Nghị quyết được thông qua		15.000.000	

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi tối đa (đồng)		Ghi chú
				Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	
I	**NHIỆM VỤ SOẠN THẢO**		**Tối đa 65% tổng mức chi**	**32.500.000**	**13.000.000**	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Truyền thông chính sách	- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm,		1.750.000	1.000.000	

		áp phích...) - Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)				
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Tờ trình		1.500.000	1.000.000	
		Dự thảo quyết định		8.000.000	3.500.000	
		Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Quyết định kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có		4.000.000	-	

		liên quan				
		Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định		2.250.000	-	
		Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		3.500.000	1.500.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định					
3.1	Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; các cơ quan, tổ chức, cá	Văn bản góp ý của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp;		3.500.000	2.500.000	

	nhân có liên quan	các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan				
3.2	Lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn tài chính, Sở Nội vụ về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực, Sở Tư pháp về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn bản góp ý của Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ		1.500.000	1.200.000	
3.3	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền (nếu có)	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền/văn bản		1.500.000	800.000	

		cho ý kiến của cơ quan Đảng đối với dự thảo quyết định				
4	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý		2.000.000	500.000	
5	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định		3.000.000	1.000.000	
II	**NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH**		**Tối đa 25% tổng mức chi**	**12.500.000**	**5.000.000**	Sở Tư pháp là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Trường hợp tự thẩm định					
	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		12.500.000	5.000.000	
2	Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định					
2.1	Tổ chức họp Hội	Biên bản họp		7.500.000	3.500.000	

	đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định					
2.2	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		5.000.000	1.500.000	
3	Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản					
3.1	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Ý kiến bằng văn bản		7.500.000	3.500.000	
3.2	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định		5.000.000	1.500.000	
III	**NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN, TRÌNH BAN HÀNH**		**Tối đa 10% tổng mức chi**	**5.000.000**	**2.000.000**	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo Quyết định	Ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ dự thảo Quyết định theo Quy chế làm việc của		2.000.000	1.300.000	

		Ủy ban nhân dân tỉnh				
2	Hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo quyết định (sau khi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền)	Quyết định được ký ban hành		3.000.000	700.000	